

**THI LÝ THUYẾT UNG THƯ**  
 Đối tượng: Y4 ĐA KHOA  
 Ngày thi: 04/5/2019  
 Thời gian làm bài: 40 phút  
 (Đề thi gồm có 70 câu hỏi)

Họ tên sinh viên: .....  
 Số báo danh: .....  
 Tổ: .....  
 Lớp: .....

Giám thị 1	Giám thị 2
------------	------------

**CHỌN 1 CÂU TRẢ LỜI ĐÚNG NHẤT**

1. Khi bắt đầu thực hiện tầm soát ung thư đại trực tràng với kết quả bình thường, hãy chọn câu SAI về lịch tầm soát lần kế tiếp:
  - a. Nội soi đại tràng sigma mỗi 5 năm
  - b. Nội soi đại tràng mỗi 5 năm
  - ☒ c. Xét nghiệm tìm máu ẩn trong phân mỗi 3 năm
  - d. Nội soi toàn bộ khung đại tràng bằng ống soi mềm mỗi 10 năm
2. Loại giải phẫu bệnh nào sau đây không xuất nguồn từ tế bào nang giáp?
  - a. Carcinôm tuyến giáp dạng nhú
  - ☒ b. Carcinôm tuyến giáp dạng tủy
  - c. Carcinôm tuyến giáp dạng nang
  - d. Carcinôm tuyến giáp không biệt hóa
  - e. Carcinôm tuyến giáp dạng nhú biến thể nang
3. Tiêu chuẩn vàng để chẩn đoán ung thư gan:
  - A. AFP huyết thanh > 400 ng/ml ✓
  - B. Hình ảnh điển hình bướu gan trên động học CT/ MRI ✓
  - ☒ C. Sinh thiết gan: carcinôm tế bào gan
  - D. Câu A,B đúng
  - ☒ E. Câu A,B,C đúng
4. Bệnh nhân bị hội chứng Pancoast Tobias trong ung thư phổi là do:
  - A. Bướu chèn ép các mạch máu trong trung thất
  - B. Bướu xâm lấn hạch thần kinh giao cảm cổ
  - C. Bướu xâm lấn đám rối thần kinh cánh tay
  - D. Bướu di căn vào các xương sườn
  - ☒ E. Câu C và D đúng
5. Đặc điểm của ung thư phổi tế bào nhỏ:
  - A. Bướu có nguồn gốc từ tế bào thần kinh nội tiết
  - B. Bệnh diễn tiến chậm hơn ung thư phổi không tế bào nhỏ
  - C. Phẫu thuật là mô thức điều trị đầu tay
  - ☒ D. Thuốc nhắm trúng đích là liệu pháp điều trị toàn thân quan trọng nhất
  - ☒ E. Câu A và D đúng



6. Kích thước bướu là một trong những yếu tố giúp xếp giai đoạn bướu theo TNM trong các loại ung thư sau, NGOẠI TRỪ:

- a. Ung thư dạ dày
- b. Ung thư ống hậu môn
- c. Ung thư vú
- d. Ung thư cổ tử cung
- e. Ung thư phổi

7. Nhận định nào sau đây đúng về sự hình thành ung thư?

- a. Những người bị tiếp xúc với yếu tố nguy cơ chắc chắn sẽ bị ung thư
- b. Phần lớn nguyên nhân gây ung thư không thể phòng ngừa được
- c. Khi một tế bào bị lỗi trong quá trình DNA nhân đôi thì sẽ hình thành đột biến ngay
- d. Ung thư xuất hiện khi đã tích lũy nhiều đột biến
- e. Các đột biến này được di truyền cho thế hệ con cái

8. Ung thư buồng trứng

- A. Thường gặp ở những phụ nữ sinh đẻ nhiều
- B. Có liên quan đến tình trạng viêm nhiễm phụ khoa
- C. Có liên quan đến gen BRCA1 và BRCA2
- D. Rất hiếm gặp ở tuổi chưa dậy thì.
- E. Câu B và C đúng

9. Các yếu tố làm tăng nguy cơ phát triển ung thư vú, ngoại trừ:

- A. Có kinh sớm hoặc mãn kinh muộn
- B. Không sinh con
- C. Tuổi > 30 lúc mang thai đầu tiên
- D. Sảy thai ở 3 tháng đầu hay 3 tháng giữa thai kỳ
- E. Tiền căn xạ trị vùng ngực

10. Mục đích của việc xếp giai đoạn TNM trong ung thư, chọn câu SAI

- A. Tạo điều kiện cho việc hợp tác nghiên cứu ung thư trên toàn thế giới
- B. Giúp đánh giá tiên lượng
- C. Giúp bác sĩ lên kế hoạch điều trị thích hợp
- D. Giúp đánh giá kết quả điều trị
- E. Giúp tiên lượng bản chất sinh học của bướu

11. Ung thư ở trẻ em có các đặc tính sau đây, ngoại trừ:

- A. Bướu phát triển nhanh
- B. Có yếu tố gia đình trong 10-15% các trường hợp
- C. Thời gian ủ bệnh ngắn
- D. Thường gặp nhất là ung thư máu
- E. Liên quan đến sự phơi nhiễm các tác nhân sinh ung

2. Phụ nữ, 30 tuổi, đã sinh 2 đứa con. Cô đến khám bệnh vì muốn Anh/ chị tư vấn cho cô thực hiện những xét nghiệm nào?

- A. Chụp nhũ ảnh
- B. Làm PAP smear
- C. Siêu âm màu vùng cổ và bụng
- D. Xét nghiệm máu CEA, CA15-3, CA125
- E. Câu B và D đúng

nguyên nhân, NGO



- ☒ B. Ung thư vú  
C. Ung thư gan  
D. Ung thư cổ tử cung  
E. Tất cả đều đúng
14. Trong ung thư phổi, chụp PET-CT với FDG là phương tiện được dùng để đánh giá giai đoạn bệnh. Tuy nhiên, phương tiện này ít có giá trị trong chẩn đoán di căn cơ quan nào?

- a. Di căn gan  
b. Di căn não  
c. Di căn tuyến thượng thận  
d. Di căn phổi đối bên  
e. Di căn hạch trung thất
15. Dấu hiệu nào sau đây cho thấy loại ung thư có thể tầm soát tốt
- A. Có nguyên nhân được xác định rõ  
B. Có giai đoạn tiền ung thư kéo dài  
C. Có thể điều trị hiệu quả các tổn thương tiền ung thư  
☒ D. Câu B và C đúng  
E. Tất cả đều đúng

16. Loại ung thư nào thường gặp nhất ở nam giới Việt Nam hiện nay
- A. Ung thư dạ dày và ung thư gan  
B. Ung thư gan và ung thư phổi  
☒ C. Ung thư đại tràng và ung thư phổi  
D. Ung thư gan và ung thư dạ dày  
E. Ung thư dạ dày và ung thư phổi
17. Loại ung thư nào sau đây có thể phòng ngừa hiệu quả, tầm soát và phát hiện sớm hiệu quả

- A. Ung thư tuyến giáp  
B. Ung thư gan  
C. Ung thư đại tràng  
D. Ung thư phổi  
☒ E. Ung thư cổ tử cung
18. Yếu tố nguy cơ của ung thư buồng trứng
- A. Phụ nữ vô sinh, không lập gia đình  
B. Dùng thuốc ngừa thai kéo dài  
C. Quan hệ tình dục với nhiều người  
D. Nhiễm HPV các típ nguy cơ cao  
E. Câu A và B đúng

19. Dịch tế học ung thư nội mạc tử cung

- A. Là ung thư thường gặp ở các nước đang phát triển hơn các nước phát triển  
B. Tuổi trung bình lúc được chẩn đoán thường là 50-55 tuổi  
☒ C. Có liên quan đến chế độ dinh dưỡng, béo phì  
D. Có liên quan đến hút thuốc lá  
E. Câu C và D đúng

20. Hạch cạnh động mạch chủ bụng là hạch vùng bị di căn của ung thư:

- A. Cổ tử cung và buồng trứng  
B. Âm hộ và cổ tử cung

- ☒ C. Buồng trứng và tinh hoàn
- D. Tinh hoàn và âm hộ
- E. Câu A và C đúng

21. Loại giải phẫu bệnh thường gặp nhất trong ung thư cổ tử cung là

- A. Carcinôm tế bào sáng
- B. Carcinôm tuyến
- C. Carcinôm tế bào nhỏ
- ☒ D. Carcinôm tế bào gai
- E. Carcinôm tế bào chuyển tiếp

22. Loại giải phẫu bệnh thường gặp nhất của ung thư nội mạc tử cung là:

- ☒ A. Carcinôm tuyến dạng nội mạc, biệt hóa cao đến trung bình
- B. Carcinôm tuyến dạng nội mạc, biệt hóa kém
- C. Carcinôm tế bào gai, biệt hóa cao đến trung bình
- D. Carcinôm tuyến dạng nhú
- E. Carcinôm gai - tuyến

23. Một phụ nữ 59 tuổi đã mãn kinh 4 năm, đến bác sĩ khám vì tự sờ thấy một mảng trong vú trái khoảng 1 tháng nay, không triệu chứng khó chịu gì. Không tiền căn bệnh nội ngoại khoa. Khám: sờ thấy một khối 2 cm, sượng, giới hạn không rõ, 1/4 trên trong vú trái, ít di động trong mô vú và di động tốt so với thành ngực, không dính da. Hạch nách và trên đòn không sờ thấy. Siêu âm phát hiện bướu 2cm trên trong vú (T) nghi ác tính. Bước xử trí tiếp theo thích hợp trên bệnh nhân này?

- A. Chụp MRI vú 2 bên.
- B. Chụp nhũ ảnh 2 bên
- C. FNA bướu vú trái
- ☒ D. Sinh thiết lõi kim bướu vú trái
- E. Tất cả đều sai

24. Khi bệnh nhân ung thư vú có ER, PR dương tính thì ....

- (I) Tế bào ung thư vú tăng trưởng và phát triển nhờ nội tiết tố nữ
- (II) Nồng độ estrogen và progesteron trong máu bệnh nhân rất cao
- (III) Tế bào ung thư vú không phát triển thông qua con đường yếu tố tăng trưởng biểu bì (Human epidermal growth factor)
- (IV) Trong nhân tế bào ung thư vú có rất nhiều thụ thể nội tiết
- (V) Chứng tỏ bệnh nhân đang trong độ tuổi còn kinh nguyệt

Có bao nhiêu nhận định đúng?

- A. 1 nhận định
- B. 2 nhận định
- ☒ C. 3 nhận định
- D. 4 nhận định
- E. 5 nhận định

25. Phụ nữ 30 tuổi đến khám vì đau vú (T), triệu chứng đau nặng lên trước hành kinh và sau sạch kinh 1 tuần. Bệnh nhân không dùng thuốc, không bệnh lý gì khác. Khám lâm sàng phát hiện một mảng dày 3cm nhạy đau, ở 1/4 trên ngoài vú (T), sang thương giảm kích thước sau hành kinh. Cảm nghĩ chẩn đoán trường hợp này?



- A. Ung thư vú
  - B. Bướu diệp thể
  - C. Bướu sợi tuyến
  - ☒ D. Thay đổi sợi bọc
  - E. Bướu nhú
26. Loại ung thư thường gặp nhất ở trẻ em là
- A. Bướu nguyên bào gan
  - B. Bướu nguyên bào võng mạc
  - ☒ C. Ung thư máu
  - ☒ D. Ung thư não
  - E. Bướu nguyên bào tủy
27. Đối với bướu phổi ở vị trí trung tâm (gần phế quản gốc), để chẩn đoán bản chất bướu, phương tiện nào sau đây có giá trị chẩn đoán thấp nhất?
- A. Mở ngực thăm sát
  - B. Tế bào học đàm
  - ☒ C. Bấm sinh thiết bằng kèm
  - D. Chảy rửa lòng phế quản
  - E. Sinh thiết bằng kim xuyên thành phế quản
28. Trong ung thư phổi, đột biến EGFR thường xuất hiện trên những đối tượng sau đây, NGOẠI TRỪ
- A. Carcinôm tuyến
  - B. Dân số châu Á
  - C. Hút thuốc lá nhiều
  - D. Nữ giới
  - E. Câu B và C
29. AFP (Alpha feto protein) tăng cao trong:
- A. Sarcôm mạch máu ở gan
  - ☒ B. Carcinôm tế bào gan
  - C. Carcinôm đường mật trong và ngoài gan
  - D. Bướu nguyên bào gan
  - E. Tất cả các câu trên đều đúng
30. Tại Âu-Mỹ, ung thư gan thường liên quan đến yếu tố:
- A. Virus gây viêm gan B, C
  - B. Độc tố aflatoxin trong ngũ cốc bị nhiễm nấm mốc
  - C. Xơ gan do rượu và các bệnh lý chuyển hóa
  - ☒ D. Cả 3 yếu tố trên đều đúng
  - E. Câu A và C đúng
31. Triệu chứng thường gặp nhất của ung thư thực quản:
- A. Nôn ói
  - B. Khàn tiếng
  - C. Hạch cổ, trên đòn.
  - ☒ D. Nuốt nghẹn, nuốt khó
  - E. Nuốt đau
32. Bệnh nhân nam 75 tuổi nhập viện vì vết loét không lành ở mặt 2 năm nay. KPS 80. Khám lâm sàng vết loét rãnh mũi môi (T) đường kính 1,5cm giới hạn rõ, bờ gồ cao ngấm sác tố đen. Tiền căn cao huyết áp đang điều trị, COPD. Phương pháp sinh thiết phù hợp đối với bệnh nhân này là:

- A. Sinh thiết lặn bướu
- ☒ B. Sinh thiết bằng kẽm bấm
- C. Sinh thiết trọn
- D. Sinh thiết bằng kim nhỏ
- E. Sinh thiết lõi kim

33. Kết quả sinh thiết là mô viêm mạn tính. Bước xử trí thích hợp tiếp theo là

- ☒ A. Sinh thiết lần hai
- B. Phẫu thuật lấy trọn sang thương
- C. Theo dõi thêm
- D. A, B đúng
- E. Tất cả đều đúng

34. Carcinôm tuyến giáp dạng nhú, chọn câu đúng:

- A. Khàn tiếng là tình huống lâm sàng thường gặp nhất
- B. Là loại giải phẫu bệnh gặp hàng thứ 2 trong ung thư tuyến giáp.
- ☒ C. Rất nhiều trường hợp có tính đa ổ trên vi thể
- D. Tiên lượng bệnh rất xấu khi đã di căn hạch vùng
- E. Câu B và D đúng

35. Loại ung thư nào sau đây thường cho di căn não?

- A. Ung thư đại tràng và ung thư tụy
- B. Ung thư vú và ung thư gan
- C. Ung thư gan và ung thư đại tràng
- ☒ D. Ung thư phổi và ung thư vú
- E. Ung thư tụy và ung thư phổi

36. Carcinôm dạ dày thể ruột theo phân loại Lauren (1965) có đặc điểm:

- ☒ a. Thường xuất hiện ở tâm vị
- b. Không liên quan đến nhiễm Helicobacter pylori
- c. Diễn tiến tương đối chậm
- d. Các tế bào kết dính lỏng lẻo
- e. Tất cả đều đúng

37. Cho các nhận định sau đây về ung thư phổi

- (I) Carcinôm tuyến thường xuất hiện ở trung tâm của phổi.
- (II) Carcinôm tế bào gai thường xuất hiện ở ngoại vi của phổi.
- (III) Carcinôm tế bào nhỏ được biệt hóa theo hướng thần kinh nội tiết.
- (IV) Carcinôm tế bào gai là loại thường gặp nhất.
- (V) Hình ảnh "cầu sừng" gặp trong carcinôm tế bào lớn.

Có bao nhiêu nhận định đúng?

- a. 1 nhận định
- ☒ b. 2 nhận định
- c. 3 nhận định
- d. 4 nhận định
- e. 5 nhận định

38. Bệnh nhân nữ, 35 tuổi khám sức khỏe định kỳ phát hiện một nhân giáp thùy trái; không có tiền căn xạ trị và gia đình không ai bị ung thư giáp. Siêu âm cổ phát hiện nhân giáp thùy trái 2cm, echo kém, vi vôi hóa và hạch cổ nhóm III (T) 0.8 cm, echo kém, mất rốn hạch. Xét nghiệm máu TSH, FT3, FT4 bình thường. Xét nghiệm cần làm tiếp:



- A. CT-scan vùng cổ có cản quang
  - B. FNA nhân giáp và hạch cổ
  - C. Xạ hình tuyến giáp
  - ☒ D. Câu A và B đúng
  - E. Câu A,B,C đúng
39. Chẩn đoán lâm sàng: Carcinôm tuyến giáp dạng nhú di căn hạch cổ (T). Xếp giai đoạn bệnh trên bệnh nhân này?
- ☒ A. Giai đoạn I
  - ☒ B. Giai đoạn II
  - C. Giai đoạn III
  - D. Giai đoạn IV
  - E. Tất cả đều sai
40. Điều trị cho bệnh nhân trên:
- A. Cắt giáp toàn phần, nạo hạch cổ trái
  - B. Cắt giáp toàn phần
  - ☒ C. Cắt giáp toàn phần nạo hạch cổ hai bên
  - D. Cắt trọn thùy trái, nạo hạch cổ trái
  - E. Một lựa chọn khác
41. Bệnh nhân nam, 42 tuổi, được chẩn đoán carcinôm tuyến giáp không biệt hóa. Siêu âm có hạch cổ (P) 1 cm nghi ngờ di căn. Các xét nghiệm khác chưa phát hiện di căn xa. Xếp giai đoạn trên bệnh nhân này, chọn câu đúng:
- A. Cần xác định giải phẫu bệnh của hạch cổ mới xếp giai đoạn được
  - B. Cần biết thêm thông tin về kích thước bướu giáp
  - C. Cần biết thêm thông tin bướu có xâm lấn dây thần kinh quặt ngược hay chưa
  - ☒ D. Đã đủ dữ kiện xếp giai đoạn IV cho bệnh nhân
  - E. Câu A và B đúng
42. Phần lớn ung thư nội mạc tử cung xuất phát từ
- A. Vùng chuyển tiếp
  - B. Vùng eo tử cung
  - ☒ C. Đáy tử cung
  - D. Thành trước tử cung
  - E. Câu C và D đúng
43. Yếu tố nguy cơ của ung thư nội mạc tử cung
- A. Viêm nhiễm phụ khoa
  - B. Nhiễm HPV
  - ☒ C. Dùng nội tiết thay thế kéo dài sau mãn kinh
  - D. Cường giáp
  - E. Câu A và C đúng
44. Xét nghiệm nào sau đây KHÔNG dùng trong tầm soát ung thư cổ tử cung
- A. Xét nghiệm Pap
  - ☒ B. Nhìn trực tiếp cổ tử cung với acid acetic
  - C. Xét nghiệm DNA-HPV
  - D. Soi cổ tử cung
  - E. C và D đúng
45. Những phụ nữ nào sau đây KHÔNG là đối tượng thuộc khuyến cáo tầm soát ung thư cổ tử cung
- ☒ A. Phụ nữ chưa quan hệ tình dục